CK.0000078889

QUANG THIÊM

NGỮ NGHĨA HỌC

UYÊN
LIỆU

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

LÊ QUANG THIÊM

Ngữ nghĩa học

(Tập bài giảng)

(Tái bản lần thứ hai)

NHÀ XUẤT BẢN GIÁO DỤC VIỆT NAM

Lời nói đầu

Ngữ nghĩa học như một môn khoa học xã hội, nhân văn đã có lịch sử gần 200 năm. Tri thức chuyên ngành, các trường phái, khuynh hướng, phương pháp tiếp cận rất phong phú, đa dạng và thú vị. Tuy nhiên do nhiều lí do khác nhau, ở Việt Nam mới có vài bản dịch, một số chuyên khảo từng khía cạnh, dù sâu sắc nhưng chưa có cái nhìn bao quát. Để phục vụ cho việc học tập, tham khảo của sinh viên, đặc biệt là học viên cao học và nghiên cứu sinh, chúng tôi biên soạn cuốn sách Ngữ nghĩa học. Đây cũng là một thử nghiệm giới thiệu toàn cảnh ngữ nghĩa học và có tính chất như một giáo trình dẫn nhập cơ sở.

Vì sách tổ chức theo lối bài giảng nên bố cục chúng tôi không ghi phần. Song thực chất nội dung sách bao gồm bốn phần. Phần một gồm các bài 1, 2, 3, 4 và 5 có nhiệm vụ giới thiệu, xác định đối tượng, phạm vi bộ môn, sơ lược qua lịch sử các thời kì phát triển và các khuynh hướng quan trọng hiện nay. Phần hai gồm các bài 6, 7, 8, 9 có nội dung như là một dẫn nhập cơ sở cho ngữ nghĩa từ vựng. Phần ba gồm các bài 10, 11, 12 thử xác lập một dẫn nhập cơ sở, một cách tiếp cận ngữ nghĩa ngữ pháp. Phần bốn gồm có bài 13 dẫn nhập sơ qua về ngữ nghĩa ngữ dụng. Thực tế như bạn đọc sẽ thấy, sự phân bố các phần là không thật đồng đều và tương xứng. Chúng tôi hi vọng sẽ có dịp bổ khuyết sau.

Khi tổ chức các bài giảng, chúng tôi xem mỗi bài là một công trình hoàn chỉnh, có tính sư phạm. Nay tập hợp các bài vào trong một tập sách không tránh khỏi có một số ý nhắc lại, một số đoạn như lặp lại mà chưa rút tỉa hết. Hơn nữa, với tính chất một tập bài giảng, chúng tôi nhận thấy một số ý, đoạn dẫn lại cho dễ theo dõi, cho liền mạch là cần thiết. Hi vọng lần in sau sẽ rút kinh nghiệm, điều chỉnh.

Trong sự phong phú, đa dạng, phức tạp của tri thức, của khuynh hướng, phương pháp và cả phương pháp luận nghiên cứu của bộ môn, cố gắng của chúng tôi là xác lập một cách hiểu, một cơ sở tiếp cận được chọn lựa, tổng hợp từ những gì đã tham khảo được. Rõ ràng ở đây có chỗ đứng, có cách nhìn riêng của tác giả về nhiều vấn đề liên quan theo một đường hướng, quan niệm tiếp cận xác định. Rất mong nhận được sự phản hồi, trao đổi từ phía độc giả, nhất là các đồng nghiệp và các bạn sinh viên, học viên cao học, nghiên cứu sinh và những ai quan tâm đến bộ môn này.

Nhân dịp cuốn sách được giới thiệu, chúng tôi xin có lời cảm ơn đến GS. TS Đinh Văn Đức, PGS. TS Vũ Đức Nghiệu, PGS. TS Nguyễn Hồng Cổn, PGS. TS Nguyễn Văn Hiệp, PGS. TS Nguyễn Đức Tồn, PGS. TS Hà Quang Năng, PGS. TS Đỗ Việt Hùng,... đã dành thời gian đọc và cho những nhận xét quý báu.

Hà Nội, tháng 5 năm 2006

Tác giả

BÀI 1

Ngữ nghĩa học là một bộ môn của ngôn ngữ học

I – NGỮ NGHĨA VÀ NGỮ NGHĨA HỌC

1. Nghĩa và ngữ nghĩa

Trong đời sống hằng ngày, chúng ta thường gặp các từ *nghĩa, ý nghĩa*. Nội dung của những từ này thường là khó xác định. Chẳng hạn để hiểu *nghĩa* của một sự việc, một vấn đề nào đó, ta thường phải trả lời câu hỏi : *Sự việc* ấy, *vấn đề* ấy có nghĩa gì ? Trả lời, giải thích câu hỏi vừa nêu, tức là tìm nghĩa của *sự việc*, của *vấn đề* đó. Một cách chung nhất, việc trả lời loại câu hỏi như trên là tìm nghĩa, giải nghĩa của sự việc, vấn đề tồn tại trong cuộc sống. Phạm vi xem xét của nghĩa như vậy là vô cùng rộng lớn.

Phạm vi nghiên cứu *nghĩa* trong ngôn ngữ học dù rất đa dạng, phức tạp, thì cũng được xác định hẹp hơn. Về đại thể, phạm vi ngôn ngữ học quan tâm là giải thích, trả lời loại câu hỏi : *Từ* có nghĩa gì ? *Câu* có nghĩa gì ? Nếu liệt kê cho đầy đủ thì đó là : *Các hình thức ngôn ngữ, các biểu thức ngôn ngữ, các văn bản, diễn ngôn,...* có nghĩa gì ?

Như đã biết, nói đến *hình thức, biểu thức, từ, ngữ, câu, lời, văn bản, diễn ngôn,...* là nói đến những hiện tượng, đơn vị, thực thể của ngôn ngữ trong *ngôn ngữ học*. Nghĩa của những đơn vị, thực thể,... đó là nghĩa của ngôn ngữ, thuộc ngôn ngữ. Thuật ngữ gọi thứ nghĩa này là *ngữ nghĩa*. Vì vậy, cần phân biệt *nghĩa* trong *ngôn ngữ*, *nghĩa* của *ngôn ngữ* (ngữ nghĩa) với *nghĩa* của các *tồn tại* khác. Vấn đề tưởng đơn giản mà thực tế đời sống cũng như khoa học đã xảy ra nhiều ngộ nhận, nhầm lẫn.

Xin dẫn một ví dụ phân biệt. Trước mắt ta là cuốn sách và tôi vừa viết ra đây là từ *sách*. Cuốn sách, sự vật sách và từ *sách*, hình thức ngôn ngữ *sách*, là hai phạm vi tồn tại khác nhau. Nhiệm vụ của ngôn ngữ học là nghiên cứu ngữ

nghĩa, cụ thể ở đây là nghiên cứu *nghĩa* của *từ* chứ không phải nghiên cứu *nghĩa* của *vật*. Mà nghiên cứu nghĩa của từ thì trong tiếng Việt là từ *sách*, tiếng Anh là *book*, tiếng Pháp là *livre*. Và nghĩa các từ này không hoàn toàn giống nhau trong các ngôn ngữ ấy. Ngay cả tiếng Việt cũng có mấy từ *sách* nghĩa khác nhau : *Sách*$_1$ *d* : tập hợp một số lượng nhất định những tờ giấy có chữ in, đóng gộp lại thành quyển. *Sách*$_2$ *d* : dạ lá sách (nói tắt). *Sách*$_3$ *d* (kng) : mưu, kế. Như vậy, sự vật (hoạt động, tính chất) trong thế giới hiện thực, trong tư duy và *nghĩa* của ngôn ngữ có quan hệ với nhau, nhưng là hai phạm vi khác nhau không thể lẫn lộn. Tuy vậy, trong ngôn ngữ học đã xảy ra không ít nhầm lẫn *nghĩa* của từ và *sự quy chiếu*. Sự nhầm lẫn này là một vấn đề không nhỏ của ngữ nghĩa học và cả của triết học (sẽ làm sáng tỏ ở phần sau). Chẳng hạn xưa nay hành tinh ngoài trái đất chỉ có một *Venus* (Kim Tinh) duy nhất (chỉ một cái được quy chiếu) nhưng có hai tên gọi khác nhau : *sao hôm* và *sao mai*. Chúng có nghĩa khác nhau. Nghiên cứu *nghĩa* của ngôn ngữ phải làm sáng tỏ những vấn đề đa dạng, phức tạp đại loại như thế. Và chung nhất suy cho cùng, có thể nói rằng nhờ hiểu *nghĩa* của ngôn ngữ mà hiểu được mọi điều, diễn giải, biểu hiện được mọi điều trên thế gian này.

2. Ngữ nghĩa học

Sự phân biệt về phạm vi nghĩa như đã nói ở trên giúp chúng ta dễ dàng hiểu thuật ngữ *ngữ nghĩa học*. Thuật ngữ *ngữ nghĩa học* được cấu tạo trong tiếng Việt để dịch từ ngữ *linguistic semantics, semasiology* trong tiếng Anh. Cần nói ngay rằng trong tiếng Anh, hai thuật ngữ *semasiology* và *linguistic semantics* không dùng đồng thời : Lúc đầu, người ta dùng *semasiology* ; về sau dùng *linguistic semantics*, rồi dùng gọn lại chỉ còn *semantics*. Trong ngôn ngữ học, theo John Lyons, dùng *semantics* tức có nghĩa là *linguistic semantics* mà dịch ra tiếng Việt là *ngữ nghĩa học*. Nội dung của thuật ngữ là để chỉ một môn học, một bộ môn nghiên cứu khoa học thuộc ngôn ngữ học.

Hơn 40 năm trước, trong một tác phẩm *ngữ nghĩa học* được giới nghiên cứu chú ý – cuốn *Ngữ nghĩa học – Một dẫn luận vào khoa học ý nghĩa*, Stephen Ullmann viết ngay trong trang đầu như sau : "Hai bộ môn chính của ngôn ngữ học đặc biệt có quan hệ với từ là : từ nguyên học nghiên cứu nguồn gốc của từ và ngữ nghĩa học nghiên cứu ý nghĩa của từ"[1]. Gần đây

(1) S. Ullmann (1957), *The Principles of Semantics*, (Oxford : Basil Blackwell. Glasgow : Jackson).

nhất là tác giả có nhiều công trình tầm cỡ về ngôn ngữ học lí thuyết và ngữ nghĩa học, J. Lyons cũng xác định : "Theo tôi ngữ nghĩa học được xác định là nghiên cứu nghĩa và ngữ nghĩa học là sự nghiên cứu nghĩa từ vựng và nghĩa ngữ pháp của ngôn ngữ tự nhiên"[1]. Cách đây mấy năm, một tác giả khác cũng thuộc ngôn ngữ học Anh lại hiểu hẹp hơn : "Ngữ nghĩa học là sự nghiên cứu nghĩa của từ và nghĩa của câu"[2]. Ta có thể dẫn ra nhiều cách hiểu nữa, nhưng theo chúng tôi, để khắc phục tình trạng coi nhẹ ngữ nghĩa học – điểm yếu nhất trong ngôn ngữ học cấu trúc – ta nên chấp nhận cách hiểu rộng. Vấn đề không chỉ là tham vọng mà là một sự bao hàm bản chất hiện thực của đối tượng cần nghiên cứu. Như vậy, nói một cách cụ thể *Ngữ nghĩa học là bộ môn, môn học nghiên cứu nghĩa của các biểu thức, các đơn vị của ngôn ngữ trong hệ thống cũng như trong hoạt động hành chức ở diện đồng đại cũng như trong tiến trình phát triển lịch sử của ngôn ngữ.*

3. Sự ra đời của môn ngữ nghĩa học

Như là một bộ môn khoa học, *ngữ nghĩa học* được chính thức khai sinh cách đây gần hai trăm năm. Người có công đắp nền xây móng cho môn khoa học này là một tác giả người Pháp – Michel Bréal với công trình : *Essai de Sémantique* (*Science des significations*), xuất bản vào năm 1877. Thực ra trước đó ở Đức, ở Anh cũng đã có một số nghiên cứu sớm hơn. Chẳng hạn ở Đức có một số bài viết về ngữ nghĩa tiếng Latinh của tác giả Reizig Berary công bố vào năm 1825 mà về sau đã được học trò của ông là Fridrich Haase tập hợp lại và tái bản năm 1839 với tên gọi cho môn học là *semasiology*. Ở Anh, tác giả có công đầu là Benjamin Humphrey Smart với một số bài báo và tiếp theo là công trình dày dặn *Metaphisical Etymology* của Horne Tooke xuất bản vào năm 1850 và tên gọi cho bộ môn này cũng được tác giả gọi là *semasiology* v. v...

Trở lại ý mà ngay đề mục đã nêu, xét về thời gian, tuy công trình của M. Bréal ra đời sau, song nhiều nhà nghiên cứu đã đánh giá : "Công trình được xem là bước đầu tiên xác lập ngữ nghĩa học như một bộ môn khoa học nhân văn" (Brigitte Nerlich). Thuật ngữ gọi tên cho môn khoa học bằng tiếng Pháp – bản ngữ của M. Bréal, là *sémantique*. Thuật ngữ này ngày càng

---

(1) J. Lyons (1995), *Linguistic semantics – An Introduction*. First published 1995, reprinted 1996.

(2) John I. Saeed (1999), *Semantics*, Cambridge : Blackwell Publishers.

được chấp nhận rộng rãi hơn thuật ngữ *semasiology*. Dĩ nhiên những tác giả dùng thuật ngữ *semasiology* cũng có hàm ý riêng của họ. Ngày nay, thuật ngữ dùng rộng rãi trong Anh ngữ là *semantics*. Chúng tôi chấp nhận cách dùng và cách hiểu theo nội dung của thuật ngữ *semantics* tương ứng với *linguistic semantics* mà J. Lyons đã đề nghị.

II – ĐỐI TƯỢNG VÀ MỘT SỐ SỰ PHÂN CHIA TRONG NGỮ NGHĨA HỌC

1. Đối tượng của ngữ nghĩa học

Thuyết minh sơ bộ nêu trên cho thấy đối tượng của ngữ nghĩa học là ngữ nghĩa. Tuy nhiên ngữ nghĩa – thứ *nghĩa* thể hiện trong ngôn ngữ như một phức thể – là không đơn giản. *Nghĩa* là gì ? *Nghĩa* tồn tại trong ngôn ngữ như thế nào ? Đó là những câu hỏi không dễ trả lời. Về mặt khoa học, các thuật ngữ *nghĩa*, *ý*, *ý nghĩa* cũng cần phân biệt. Sơ bộ ta có thể thấy *ý* là thuộc về ý nghĩ, tư duy của con người. *Nghĩa* như tạm hiểu là nội dung của tín hiệu, của biểu thức ngôn ngữ, còn *ý nghĩa* ở đây ta tạm phân biệt với *ý* và *nghĩa* đó là giá trị, tác dụng của một cái gì đó. Chúng tôi chủ trương phân biệt *nghĩa* với *ý nghĩa*. *Nghĩa* theo thuật ngữ không đồng nghĩa với *ý nghĩa* mà như thông thường hay lẫn lộn. Trong nhiều công trình khoa học, người ta thường cho một định nghĩa rồi từ đó cố chứng minh, giải thích, vận dụng. Nhưng *trong ngôn ngữ, ở đâu cũng có nghĩa, ở đâu cũng có vai trò hiển hiện hoặc tiềm ẩn của nghĩa*. Vì vậy kết quả là ở chỗ này may mắn định nghĩa tỏ ra phù hợp thì ở chỗ khác lại không ổn. Cần thiết phải đi sâu phân tích luận giải chi tiết, làm sáng rõ sự tồn tại, quy luật vận hành, phát triển của chúng.

Trong lịch sử ngôn ngữ học cũng đã từng có những cố gắng khảo sát *nghĩa* bằng một công trình chuyên sâu như công trình *Nghĩa của nghĩa* (The meaning of meaning) của Ogden và Richards[1]. Quả thực, kiến thức và kiến giải của hai tác giả thật uyên thâm và đa diện, nhưng giới nghiên cứu cũng chưa thoả mãn vì nhiều vấn đề chưa được làm sáng tỏ. Sự thực, các đối tượng là *nghĩa* trong ngôn ngữ thật trừu tượng và đa dạng trong tồn tại và hoạt động. Hơn nữa việc xem xét nghĩa còn tuỳ thuộc vào quan điểm và phương pháp của người nghiên cứu. Vì thế, tốt hơn cả là nhận thức tháo gỡ

---

(1) Charles K. Ogden, Ivor Amstrong Richards (1923), *The meaning of meaning. A study of the influence of Language upon Thought and of the science of symbolism.*

từng bước, từng bộ phận một. Trước hết là chọn quan điểm, lí luận xuất phát, tiếp sau là lần theo các bình diện mà xem xét, giải quyết.

Thứ quan niệm thích hợp và có sức lí giải hơn cả của ngôn ngữ học hiện đại gắn với vấn đề *nghĩa* là quan niệm *tín hiệu học*, xem tín hiệu ngôn ngữ là một thực thể tâm lí có hai mặt *cái biểu hiện* (significant) và *cái được biểu hiện* (signifié). *Cái biểu hiện* là hình thức của tín hiệu, là hình thức của các biểu thức ngôn ngữ, *cái được biểu hiện* là *nghĩa* của hình thức tín hiệu, hình thức biểu thức trong hệ thống và trong hoạt động, hành chức. Cái được biểu hiện của đơn vị, biểu thức trong từ vựng thuộc về bình diện *nghĩa từ vựng*, cái được biểu hiện của đơn vị, biểu thức trong ngữ pháp thuộc bình diện *nghĩa ngữ pháp*. Cái được biểu hiện trong ngữ dụng là *nghĩa ngữ dụng*. Như vậy cũng có thể nói *nghĩa* tồn tại, hiện diện trong các mặt, các cấp độ lớn nhỏ của ngôn ngữ. Thuộc mặt nào, cấp độ nào thì theo đó mà xem xét, xác định.

Đi vào cụ thể hơn, *nghĩa* thể hiện, gắn liền với hình thức biểu hiện nó. Như đã thấy, các biểu thức, các hình thức ngôn ngữ cũng có nhiều dạng, loại. Chỉ nói đến đơn vị có nghĩa, đơn vị mang nghĩa thì từ thấp đến cao : *hình vị, từ, ngữ, câu, lời, văn bản, diễn ngôn*. Mỗi loại ấy lại có bao nhiêu *dạng, thể* tồn tại. Dĩ nhiên mỗi đơn vị, mỗi loại thì có đơn vị trung tâm, điển hình nhưng không thể đơn giản mà bao quát hết. Ngữ nghĩa học truyền thống một thời chỉ chú ý *từ vị*, chỉ chú ý nghĩa của từ, ngữ nghĩa từ vựng. Tình hình nay đã đổi khác.

Một phạm vi liên quan đến xem xét nghĩa như đối tượng nghiên cứu nữa là sự đa dạng trong trường phái, trong quan điểm và phương pháp nghiên cứu. Không nói đến mỗi công trình đều có đóng góp riêng mà ngay các công trình có cùng hướng, cùng trường phái vẫn có nét riêng. Chính các *đối tượng nghĩa* nằm ở các *đường chéo giao nhau* mà không là đồng nhất, song song, đồng hình ấy làm khó khăn cho việc xác định một cách đơn giản và thống nhất hoàn toàn. Trong hoàn cảnh như vậy, bên cạnh việc nhìn nhận, dựa vào quan niệm chung thích hợp nhất, cần thiết đi vào biểu hiện cụ thể, bình diện cấp độ cụ thể, khuynh hướng cụ thể để hiểu khái niệm *nghĩa*, xác định sự hiện diện của *nghĩa* một cách thoả đáng, xác thực.

2. Một số sự phân chia – một bước cụ thể hoá đối tượng nghiên cứu

Như đã nói, nghĩa ngôn ngữ là nghĩa của các biểu thức ngôn ngữ học. Nói cụ thể hơn, đó là nghĩa của các đơn vị, các hình thức có nghĩa, mang nghĩa. Chính vì vậy, việc lấy *nghĩa* của các loại đơn vị nào để nghiên cứu là